

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1217~~/STP-BTTP

Đồng Nai, ngày 15 tháng 9 năm 2014

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định  
chi tiết và hướng dẫn thi hành một số  
Điều của Luật Công chứng

Kính gửi: Các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh

Ngày 15/9/2014, Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 3797/BTP-BTTP ngày 06/9/2014 của Bộ Tư pháp về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Công chứng.

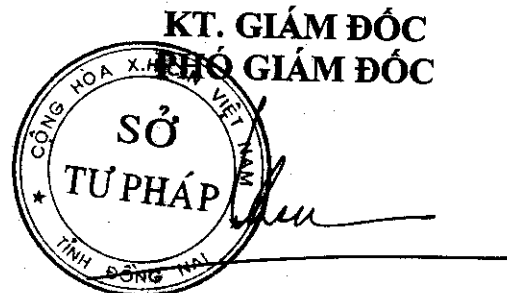
Để có cơ sở góp ý, Sở Tư pháp đề nghị Các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh tham gia đóng góp ý kiến vào Dự thảo Nghị định nêu trên bằng văn bản gửi về Sở Tư pháp *trước ngày 20/9/2014*, đồng thời gửi file qua địa chỉ email [haltn@dongnai.gov.vn](mailto:haltn@dongnai.gov.vn) để kịp thời góp ý gửi Bộ Tư pháp theo đúng thời gian quy định./

(Đề nghị Các tổ chức hành nghề công chứng truy cập vào trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp theo địa chỉ: <http://stp.dongnai.gov.vn/vbqg> để tải nội dung Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Công chứng).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, BTTP.

(D:\NgocHa2014\CC\CV\Gop y)



Phan Văn Châu



**BỘ TƯ PHÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~3197~~/BTP-BTTP

V/v đóng góp ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật công chứng

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2014

SỞ TƯ PHÁP ĐỒNG NAI	
CÔNG SỐ:	1744
VĂN NGÀY:	15/9/14
ĐẾN CHUYỂN:	

Kính gửi: *Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai*

Triển khai thi hành Luật công chứng (sửa đổi) đã được Quốc hội khoá XIII kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 20/6/2014, Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật công chứng (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định).

Để hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ trước ngày 15/10/2014, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Cơ quan/Tổ chức/Đơn vị đóng góp ý kiến cho dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định.

Văn bản đóng góp ý kiến đề nghị gửi về Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp, số 58-60 Trần Phú, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội và theo địa chỉ email: [venv@moj.gov.vn](mailto:venv@moj.gov.vn) trước ngày 23/9/2014.

Do yêu cầu về thời gian, Bộ Tư pháp trân trọng đề nghị Quý Cơ quan/Tổ chức/Đơn vị quan tâm đóng góp ý kiến đúng thời hạn nêu trên.

Trong trường hợp cần thông tin chi tiết, đề nghị liên hệ với đồng chí Nguyễn Văn Hà theo số điện thoại 04.6273.9508.

Bộ Tư pháp rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Cơ quan/Tổ chức/Đơn vị.

(Xin gửi kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định). *HT*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công Thông tin Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục BTTP.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



*Thuy*  
**Nguyễn Thuý Hiền**



Số: /TTr-BTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

Dự thảo

**TỜ TRÌNH**

**Về dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành  
một số điều của Luật công chứng**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ năm 2014, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng (sau đây gọi là dự thảo Nghị định).

Bộ Tư pháp xin báo cáo Chính phủ những vấn đề cơ bản của dự thảo Nghị định như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

Luật công chứng (sửa đổi) được Quốc hội khoá XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2014 (sau đây gọi là Luật công chứng 2014) và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Điều 81 Luật công chứng 2014 giao cho Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật. Theo đó, Chính phủ được giao quy định về điều kiện trụ sở của Văn phòng công chứng; chính sách ưu đãi đối với Văn phòng công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; thủ tục chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng; thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng Văn phòng công chứng; bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng viên; thủ tục niêm yết việc thụ lý công chứng văn bản thoả thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản và tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên.

Để đảm bảo việc tổ chức thực hiện Luật được kịp thời, thống nhất, thuận lợi và hiệu quả, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn tổ chức và hoạt động công chứng, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả của việc thi hành pháp luật trong lĩnh vực công chứng thì việc ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng là cần thiết.

**II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Theo Thông báo số ... của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ thì để bảo đảm tiến độ ban hành các văn bản

hướng dẫn thi hành Luật công chứng mới được ban hành, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật công chứng sẽ được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn. Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập và thực hiện các hoạt động chủ yếu sau:

1. Xây dựng dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình.
2. Tổ chức các cuộc họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập để cho ý kiến về các nội dung được quy định trong dự thảo Nghị định.
3. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đối với dự thảo Nghị định.
4. Đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tư pháp.
5. Tổ chức các hội thảo, tọa đàm góp ý cho dự thảo Nghị định.
6. Ngày ... tháng ... năm 2014, Bộ Tư pháp đã tổ chức thẩm định dự thảo Nghị định. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định, Bộ Tư pháp đã chỉnh lý dự thảo Nghị định và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ.

### **III. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

Dự thảo Nghị định được xây dựng trên các quan điểm chỉ đạo sau đây:

1. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành những vấn đề mà Luật công chứng giao cho Chính phủ quy định, tiếp tục thể chế hoá và thực hiện lộ trình xã hội hoá hoạt động công chứng.
2. Kế thừa, tiếp thu có chọn lọc các quy định của Nghị định số 04/2013/NĐ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng 2006 nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng hành nghề công chứng của đội ngũ công chứng viên, phát triển các tổ chức hành nghề công chứng theo Quy hoạch tổng thể phát triển các tổ chức hành nghề công chứng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
3. Các quy định của dự thảo Nghị định phải cụ thể, chi tiết, khả thi để có thể thi hành ngay, thống nhất, tránh tình trạng phải có nhiều văn bản hướng dẫn.

### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

#### **1. Bố cục của dự thảo Nghị định**

Dự thảo Nghị định gồm 5 chương, 34 điều, cụ thể như sau:

- Chương I: Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 2).
- Chương II: Tổ chức hành nghề công chứng (từ Điều 3 đến Điều 16).

- Chương III: Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng viên (từ Điều 17 đến Điều 20).

- Chương IV: Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên (từ Điều 21 đến Điều 31).

- Chương V: Điều khoản thi hành (từ Điều 32 đến Điều 34).

## 2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

a) Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (từ Điều 1 đến Điều 2)

- Phạm vi điều chỉnh chỉ tập trung vào các điều, khoản giao cho Chính phủ quy định bao gồm: chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng; hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng Văn phòng công chứng; chính sách ưu đãi đối với Văn phòng công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; điều kiện trụ sở của Văn phòng công chứng; thủ tục niêm yết việc thụ lý công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản; bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng viên và tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên.

- Đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định là công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, người yêu cầu công chứng, cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan.

b) Chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng (từ Điều 3 đến Điều 10)

Luật công chứng quy định trong trường hợp không cần thiết duy trì Phòng công chứng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng và giao cho Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng. Dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết những vấn đề sau đây:

- Về mục tiêu, yêu cầu, nguyên tắc chuyển đổi: dự thảo Nghị định quy định việc chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng nhằm tiếp tục thực hiện chủ trương xã hội hoá hoạt động công chứng, giảm về đầu tư ngân sách, nguồn nhân lực của Nhà nước, phát triển mạnh Văn phòng công chứng, nhất là đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Việc chuyển đổi phải bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước và viên chức, người lao động đang làm việc tại Phòng công chứng.

- Về việc xác định không cần thiết duy trì Phòng công chứng, để phù hợp với thực tiễn của từng địa phương, dự thảo Nghị định quy định một số tiêu chí mang tính nguyên tắc như căn cứ vào kết quả xã hội hoá hoạt động công chứng tại địa bàn đã đạt mức độ cao, số lượng hợp đồng, giao dịch nhiều, hoạt động tài chính của các Văn phòng công chứng ổn định, chất lượng hoạt động của các

Văn phòng công chứng đã bảo đảm, tạo được sự tin cậy trong nhân dân thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể xem xét, quyết định việc chuyển đổi và giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cụ thể việc xác định không cần thiết duy trì Phòng công chứng (Điều 3).

- Về nguyên tắc, việc chuyển đổi phải bảo đảm chế độ, chính sách, quyền lợi hợp pháp của viên chức, người lao động đang làm việc tại Phòng công chứng. Dự thảo Nghị định quy định cụ thể các bước khi thực hiện chuyển đổi: từ việc thông báo chủ trương chuyển đổi cho công chứng viên, viên chức, người lao động đến khảo sát, đánh giá tình hình tài chính, con người, nguyện vọng của người lao động trong Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi, thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi (đối với địa phương dự kiến chuyển đổi có từ 05 Phòng công chứng trở lên), Kế hoạch chuyển đổi; xác định giá trị tài sản, quyết định chuyển đổi v.v...

- Để bảo đảm tính liên tục của hoạt động công chứng, dự thảo Nghị định quy định Văn phòng công chứng được thành lập từ Phòng công chứng được chuyển đổi phải kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, tiếp nhận toàn bộ hồ sơ công chứng của Phòng công chứng được chuyển đổi.

- Đối với tài sản của nhà nước do Phòng công chứng đang quản lý, sử dụng như trụ sở, trang thiết bị làm việc thì đây là tài sản của Nhà nước nên khi chuyển đổi Phòng công chứng sang Văn phòng công chứng thì Phòng công chứng sẽ chấm dứt hoạt động, những tài sản này sẽ được xử lý theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, có thể giao cho cơ quan nhà nước sử dụng, bán đấu giá hoặc bán chỉ định... theo quy định của cơ quan quản lý tài sản nhà nước. Phương án xử lý tài sản của Phòng công chứng sẽ được quy định trong Đề án chuyển đổi và do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (Điều 4).

- Về phương thức chuyển đổi liên quan đến công chứng viên được nhận chuyển đổi Phòng công chứng, dự thảo Nghị định đưa ra 2 phương án:

*Phương án thứ nhất:* tất cả các công chứng viên đang hành nghề tại địa phương đều có quyền nộp hồ sơ tham gia đấu giá “quyền nhận chuyển đổi Phòng công chứng”.

Dự thảo Nghị định quy định “quyền nhận chuyển đổi” Phòng công chứng phải được đưa ra đấu giá công khai. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Hội công chứng ở địa phương (nơi có Hội công chứng) xác định giá khởi điểm của “quyền nhận chuyển đổi Phòng công chứng” để tiến hành đấu giá trong các công chứng viên có nhu cầu nhận chuyển đổi. Trường hợp các công chứng viên đăng ký tham gia đấu giá trả giá ngang nhau



thì các công chứng viên đang làm việc tại Phòng công chứng được chuyển đổi được ưu tiên trúng đấu giá (Điều 9).

Đối với tài sản (trụ sở, trang thiết bị...) do Phòng công chứng đang quản lý, sử dụng thì được xử lý theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Đối với trụ sở làm việc mà Nhà nước giao cho Phòng công chứng được chuyển đổi quản lý, sử dụng thì Ủy ban nhân dân xem xét, có thể ưu tiên cho Văn phòng công chứng mới được thành lập thuê làm trụ sở (Điều 4).

*Phương án thứ hai:* không thực hiện đấu giá đối với "quyền nhận chuyển đổi Phòng công chứng" mà Phòng công chứng sẽ được chuyển đổi cho chính các công chứng viên đang làm việc tại Phòng công chứng (công chứng viên không phải trả chi phí để được quyền nhận chuyển đổi).

Dự thảo Nghị định quy định phương thức chuyển đổi Phòng công chứng theo quy trình hành chính, không thực hiện việc đấu giá "quyền nhận chuyển đổi Phòng công chứng. Theo phương án này, chỉ chuyển đổi về mô hình hoạt động từ Phòng công chứng sang Văn phòng công chứng, còn về cơ bản, toàn bộ công chứng viên, người lao động của Phòng công chứng được chuyển đổi sẽ chuyển sang làm việc tại Văn phòng công chứng được thành lập trên cơ sở Phòng công chứng được chuyển đổi. Tài sản của Phòng công chứng (trụ sở làm việc, trang thiết bị...) sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản nhà nước.

c) Quy định về hợp nhất, sáp nhập Văn phòng công chứng (từ Điều 11 đến Điều 12)

Dự thảo Nghị định tập trung quy định rõ về hồ sơ hợp nhất, sáp nhập Văn phòng công chứng tạo điều kiện thuận lợi cho các Văn phòng công chứng khi hợp nhất, sáp nhập; cách thức nộp hồ sơ, trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập; thời hạn xem xét giải quyết của cơ quan có thẩm quyền; trách nhiệm xem xét, giải quyết hồ sơ của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quyền và nghĩa vụ của các Văn phòng công chứng trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất.

d) Về chuyển nhượng Văn phòng công chứng (Điều 13)

Dự thảo Nghị định quy định về thành phần hồ sơ, trách nhiệm và quyền hạn, thời hạn giải quyết của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quy định đối với người chuyển nhượng phải cam kết tự nguyện chuyển nhượng, còn người muốn nhận chuyển nhượng phải cam kết sẽ kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Văn phòng công chứng. Dự thảo Nghị định cũng quy định thủ tục về đăng ký hoạt động đối với Văn phòng công chứng đã được chuyển nhượng và thông báo bằng văn bản cho các cơ quan, tổ chức sau khi Văn phòng công chứng đã được chuyển nhượng được cấp giấy đăng ký hoạt động.

d) Quy định về chính sách ưu đãi đối với Văn phòng công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Điều 15)

Để phát triển Văn phòng công chứng tại các địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động công chứng, dự thảo Nghị định quy định các địa bàn mà mức độ xã hội hóa hoạt động công chứng còn thấp (hiện mới có từ 05 Văn phòng công chứng trở xuống được thành lập) thì các Văn phòng công chứng thành lập ở các huyện thuộc Danh mục địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ trong việc cho mượn, cho thuê trụ sở, hỗ trợ trang thiết bị v.v... để hoạt động ban đầu, được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

e) Quy định về niêm yết việc thụ lý công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản (Điều 16)

Dự thảo Nghị định quy định thủ tục, thời hạn, nội dung niêm yết, địa điểm niêm yết khi thụ lý công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản, quy định trách nhiệm của tổ chức hành nghề công chứng, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện niêm yết. Việc niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có di sản hoặc nơi thường trú của người để lại di sản sẽ do tổ chức hành nghề công chứng lựa chọn. Quy định này được kế thừa từ Nghị định số 04/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật công chứng, có chỉnh lý bổ sung cho phù hợp, cụ thể hơn.

g) Quy định về bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng viên (từ Điều 17 đến Điều 20)

Dự thảo Nghị định quy định nghĩa vụ phải mua bảo hiểm, phí bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm. Đối với Phòng công chứng do đặc thù là đơn vị sự nghiệp công lập, dự thảo Nghị định quy định nguồn kinh phí để mua bảo hiểm trích từ quỹ phát triển sự nghiệp theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập (khoản 3 Điều 17). Một số nội dung khác về bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng, dự thảo Nghị định quy định theo hướng do tổ chức hành nghề công chứng và doanh nghiệp bảo hiểm thỏa thuận.

h) Về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên (từ Điều 21 đến Điều 31)

Dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên với mục đích đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công chứng viên là thành viên, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật công chứng, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và Điều lệ của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên. Kinh phí

hoạt động của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên do các hội viên đóng góp và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên gồm có Hội công chứng được thành lập tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổ chức công chứng toàn quốc. Tổ chức và hoạt động của Hội công chứng theo nguyên tắc tự quản, bình đẳng, công khai, minh bạch, phi lợi nhuận. Hoạt động của Hội công chứng chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền, Tổ chức công chứng toàn quốc. Dự thảo Nghị định cũng quy định việc thành lập, tổ chức hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội công chứng và Tổ chức công chứng toàn quốc.

#### i) Về điều khoản thi hành Nghị định

Để bảo đảm tính ổn định, liên tục của hoạt động về công chứng khi chuyển tiếp thi hành từ Luật công chứng 2006 sang Luật công chứng 2014, dự thảo Nghị định quy định một số điều khoản chuyển tiếp, cụ thể như sau:

- Hội công chứng của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được thành lập và hoạt động trước ngày Luật công chứng 2014 có hiệu lực được tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Luật công chứng và Nghị định này.

- Về việc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng viên, dự thảo Nghị định quy định tổ chức hành nghề công chứng không mua bảo hiểm theo quy định tại Khoản 3 Điều 79 của Luật công chứng 2014 thì sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính. Dự thảo Nghị định cũng quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát việc thực hiện quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 79 của Luật công chứng 2014 về chuyển đổi Văn phòng công chứng và việc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng viên.

### V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, các ý kiến đều nhất trí về sự cần thiết ban hành và những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, cũng còn có ý kiến khác nhau về hai vấn đề, Bộ Tư pháp xin báo cáo Chính phủ như sau:

#### 1. Về phạm vi điều chỉnh

- Loại ý kiến thứ nhất: đa số ý kiến đồng tình theo hướng dự thảo Nghị định, theo đó quy định phạm vi điều chỉnh gồm 08 (tám) nội dung Luật công chứng 2014 giao Chính phủ và các quy định chuyển tiếp về hoạt động của Hội công chứng; mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng viên để bảo đảm thi hành Luật.

1) - Loại ý kiến thứ hai (số ít) cho rằng: cần bổ sung phạm vi điều chỉnh về trình tự, thủ tục công chứng liên quan đến hộ gia đình, khái niệm thế chấp, bảo lãnh, cơ sở dữ liệu công chứng, mẫu lời chứng, công chứng văn bản ủy quyền, thẩm quyền xác nhận hợp đồng, văn bản về bất động sản trong khu công nghiệp v.v...

Bộ Tư pháp đồng tình với loại ý kiến thứ nhất vì qua nghiên cứu, rà soát thấy rằng, một số nội dung đề nghị điều chỉnh đã được quy định trong Luật công chứng rất cụ thể, rõ ràng như việc công chứng văn bản ủy quyền; một số nội dung khác như quy định về cơ sở dữ liệu công chứng, mẫu lời chứng thì Luật công chứng không giao cho Chính phủ hướng dẫn mà giao cho Bộ Tư pháp và hiện nay, Bộ Tư pháp cũng đang triển khai xây dựng Thông tư này; một số vấn đề khác như vấn đề về khái niệm hộ gia đình, thế chấp, bảo lãnh... thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật chuyên ngành như Bộ luật dân sự, Luật đất đai, Luật nhà ở v.v... nên cần phải được hướng dẫn tại các văn bản hướng dẫn các Luật đó mà không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định này. Đối với việc xác nhận hợp đồng, văn bản về bất động sản trong khu công nghiệp: tại phiên họp Ban chỉ đạo về phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế ngày 11 tháng 7 năm 2014 Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải đã giao các cơ quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp xây dựng Thông tư liên tịch để hướng dẫn Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế được thực hiện việc xác nhận hợp đồng, giao dịch về bất động sản theo đúng quy định, phù hợp với địa vị pháp lý của người được giao thực hiện việc xác nhận, do vậy, không cần thiết quy định vào dự thảo Nghị định này. Vì vậy, Bộ Tư pháp thấy rằng dự thảo Nghị định này tập trung quy định 08 vấn đề được Luật giao và một số điều khoản chuyển tiếp để bảo đảm thi hành Luật như dự thảo hiện nay là phù hợp.

## 2. Về phương thức chuyển đổi Phòng công chứng

*Phương án thứ nhất:* tất cả các công chứng viên đang hành nghề tại địa phương đều có quyền nộp hồ sơ tham gia đấu giá “quyền nhận chuyển đổi Phòng công chứng”.

Xuất phát từ quan điểm cho rằng, Phòng công chứng cũng là một “sản nghiệp” của Nhà nước, việc thành lập tổ chức hành nghề công chứng hiện nay bị hạn chế theo Quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ đã được phê duyệt trong khi có nhiều công chứng viên được bổ nhiệm có nguyện vọng hành nghề công chứng, Luật công chứng 2014 cũng quy định các trường hợp có thể chuyển nhượng đối với các Văn phòng công chứng mới được thành lập... Dự thảo Nghị định quy định “quyền nhận chuyển đổi Phòng công chứng” phải được đưa ra đấu giá công khai. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở ngành liên quan, Hội công chứng ở địa phương (nơi có Hội công chứng) xác định giá khởi điểm của “quyền nhận chuyển đổi Phòng công chứng” để tiến hành đấu giá trong các

công chứng viên có nhu cầu nhận chuyển đổi. Trường hợp các công chứng viên đăng ký tham gia đấu giá trả giá ngang nhau thì các công chứng viên đang làm việc tại Phòng công chứng được chuyển đổi được ưu tiên trúng đấu giá (Điều 9).

Đối với tài sản (trụ sở, trang thiết bị...) do Phòng công chứng đang quản lý, sử dụng thì được xử lý theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Đối với trụ sở làm việc mà Nhà nước giao cho Phòng công chứng được chuyển đổi quản lý, sử dụng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có thể ưu tiên cho Văn phòng công chứng mới được thành lập thuê làm trụ sở (Điều 4).

*Phương án thứ hai:* không thực hiện đấu giá đối với “quyền nhận chuyển đổi Phòng công chứng” mà Phòng công chứng sẽ được chuyển đổi cho chính các công chứng viên đang làm việc tại Phòng công chứng (công chứng viên không phải trả chi phí để được quyền nhận chuyển đổi).

Xuất phát từ quan điểm cho rằng, mục tiêu chính của việc chuyển đổi Phòng công chứng là tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động công chứng, có tính đến yếu tố bảo đảm quyền, lợi ích và chính sách đối với các công chứng viên đang hành nghề tại Phòng công chứng đã nhiều năm gắn bó với hoạt động công chứng, tránh xáo trộn hoạt động khi chuyển đổi Phòng công chứng, kế thừa được hoạt động của Phòng công chứng được chuyển đổi... dự thảo Nghị định quy định phương thức chuyển đổi Phòng công chứng theo quy trình hành chính, không thực hiện việc đấu giá “quyền nhận chuyển đổi Phòng công chứng”. Theo phương án này, chỉ chuyển đổi về mô hình hoạt động từ Phòng công chứng sang Văn phòng công chứng, còn về cơ bản, toàn bộ công chứng viên, người lao động của Phòng công chứng được chuyển đổi sẽ chuyển sang làm việc tại Văn phòng công chứng được thành lập từ Phòng công chứng được chuyển đổi.

Đối với tài sản của Phòng công chứng (trụ sở làm việc, trang thiết bị...) thì sẽ được xử lý tương tự như Phương án 1.

Trong hai phương án nêu trên, mặt lợi của phương án thứ nhất là Nhà nước thu được khoản tài chính bổ sung cho ngân sách nhà nước và tạo điều kiện cho nhiều công chứng viên, không chỉ là những công chứng viên đang làm việc tại Phòng công chứng đó có thể tham gia đấu giá “quyền nhận chuyển đổi Phòng công chứng” để thành lập Văn phòng công chứng. Tuy nhiên, nếu theo Phương án này thì “quyền nhận chuyển đổi Phòng công chứng” có nguy cơ rơi vào nhóm người là người đầu tư mà không phải là công chứng viên, các công chứng viên đang làm việc tại Phòng công chứng khó có đủ khả năng tài chính để tham gia đấu giá, quyền lợi của công chứng viên, người lao động không được bảo đảm, có khả năng gây bất ổn và không kế thừa được hoạt động của Phòng công chứng

đó đã được xây dựng nhiều năm. Việc chuyển đổi theo Phương án 2 thì bản thân các công chứng viên đang làm việc tại Phòng công chứng có thể được nhận “quyền nhận chuyển đổi Phòng công chứng” và thành lập được Văn phòng công chứng trên cơ sở Phòng công chứng được chuyển đổi, tâm lý và quyền lợi của các công chứng viên và người lao động làm việc tại Phòng công chứng được chuyển đổi sẽ được bảo đảm hơn.

Trên đây là những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng, Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các Phó TTgCP (để báo cáo);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- VPCP, Vụ PL VPCP;
- VPQH, Vụ PL VPQH;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- VKSNDTC, TANDTC;
- Cổng Thông tin Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, Cục BTTP.

**BỘ TRƯỞNG**

**Hà Hùng Cường**

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

Dự thảo

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng về chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng; hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng Văn phòng công chứng; chính sách ưu đãi đối với Văn phòng công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; điều kiện trụ sở của Văn phòng công chứng; thủ tục niêm yết việc thụ lý công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản; bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng viên và tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, người yêu cầu công chứng, cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan.

**Chương II**

**TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG**

**Mục 1**

**CHUYỂN ĐỔI PHÒNG CÔNG CHỨNG THÀNH  
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG**

**Phương án 1:**

**Điều 3. Mục tiêu, yêu cầu của việc chuyển đổi Phòng công chứng**

1. Việc chuyển đổi Phòng công chứng phải đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu sau đây:

a) Tiếp tục thực hiện chủ trương xã hội hoá hoạt động công chứng, giảm đầu tư, chi phí và nguồn nhân lực của Nhà nước;

b) Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước và viên chức, người lao động đang làm việc tại Phòng công chứng được chuyển đổi;

c) Thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan, theo đúng quy định của Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, bảo đảm tiếp tục duy trì, kế thừa hoạt động của Phòng công chứng được chuyển đổi;

d) Thực hiện theo lộ trình, phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xem xét, quyết định cụ thể sự không cần thiết duy trì Phòng công chứng và quyết định việc chuyển đổi Phòng công chứng căn cứ vào kết quả xã hội hoá hoạt động công chứng tại địa bàn đã đạt mức độ cao; số lượng hợp đồng, giao dịch nhiều; hoạt động tài chính của các Văn phòng công chứng ổn định, thu đủ bù chi; văn bản công chứng đảm bảo chất lượng tạo được uy tín trong nhân dân.

#### **Điều 4. Nguyên tắc chuyển đổi Phòng công chứng**

1. Văn phòng công chứng được thành lập từ Phòng công chứng được chuyển đổi phải kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, tiếp nhận toàn bộ hồ sơ công chứng của Phòng công chứng được chuyển đổi.

2. Đảm bảo chế độ, chính sách của viên chức, người lao động sau khi Phòng công chứng chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật về viên chức và pháp luật về lao động.

3. Việc xử lý tài sản của Nhà nước đang do Phòng công chứng quản lý, sử dụng được thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Đối với trụ sở làm việc mà Nhà nước giao cho Phòng công chứng được chuyển đổi quản lý, sử dụng thì ưu tiên cho Văn phòng công chứng được thành lập từ Phòng công chứng đó thuê làm trụ sở.

#### **Điều 5. Ban chỉ đạo chuyển đổi Phòng công chứng**

1. Ban chỉ đạo chuyển đổi Phòng công chứng được thành lập tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có từ 05 (năm) Phòng công chứng trở lên.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi Phòng công chứng. Ban chỉ đạo chuyển đổi gồm:

a) Đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là Trưởng ban;



b) Đại diện Lãnh đạo Sở Tư pháp là Phó Trưởng ban;

c) Đại diện Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, đại diện Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đại diện Lãnh đạo Hội công chứng và một số thành viên khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

3. Ban chỉ đạo chuyển đổi có nhiệm vụ:

a) Xây dựng Đề án tổng thể và xác định lộ trình chuyển đổi các Phòng công chứng tại địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Có ý kiến đối với Kế hoạch chuyển đổi từng Phòng công chứng cụ thể do Sở Tư pháp chủ trì xây dựng;

c) Chỉ đạo Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện việc chuyển đổi Phòng công chứng theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện theo đúng Đề án tổng thể và Kế hoạch chuyển đổi;

đ) Xử lý, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện việc chuyển đổi các Phòng công chứng.

4. Sở Tư pháp là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Ban chỉ đạo chuyển đổi.

#### **Điều 6. Đề án tổng thể chuyển đổi các Phòng công chứng**

Đề án tổng thể chuyển đổi các Phòng công chứng cần nêu rõ không cần thiết duy trì Phòng công chứng và sự cần thiết chuyển đổi, lộ trình chuyển đổi, mục đích, yêu cầu của việc chuyển đổi, cách thức thực hiện chủ trương chuyển đổi, số lượng Phòng công chứng chuyển đổi, dự kiến phương án giải quyết đối với viên chức, người lao động sau khi chuyển đổi.

#### **Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp trong việc chuyển đổi Phòng công chứng**

1. Chủ trì xây dựng Kế hoạch chuyển đổi từng Phòng công chứng cụ thể, báo cáo Ban chỉ đạo trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Trong trường hợp không thành lập Ban chỉ đạo thì Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội khảo sát, đánh giá tình hình tài chính, tài sản, kết quả hoạt động, nguyện vọng của viên chức, người lao động của Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi, khả năng chuyển đổi báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

2. Thông báo công khai Kế hoạch chuyển đổi Phòng công chứng.

3. Chỉ đạo Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi cung cấp giấy tờ, hồ sơ, tài liệu quy định tại Khoản 4 Điều 8 Nghị định này.

4. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký nhận chuyển đổi Phòng công chứng của các công chứng viên. Hồ sơ đăng ký nhận chuyển đổi Phòng công chứng gồm các giấy tờ, văn bản theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 của Luật công chứng.

5. Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định các vấn đề liên quan sau khi Phòng công chứng được chuyển đổi chấm dứt hoạt động.

### **Điều 8. Kế hoạch chuyển đổi Phòng công chứng**

Kế hoạch chuyển đổi Phòng công chứng có các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Sự cần thiết chuyển đổi Phòng công chứng.

2. Tên gọi, cơ cấu tổ chức của Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi.

3. Giá trị tài sản (bao gồm: trụ sở, máy móc, trang thiết bị...) do Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi đang quản lý, sử dụng và dự kiến giá trị quyền nhận chuyển đổi Phòng công chứng.

4. Tình hình tài chính; kết quả hoạt động; số lượng viên chức, người lao động đang làm việc tại Phòng công chứng: số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu; số lao động có nguyện vọng làm việc tại Văn phòng công chứng được thành lập từ Phòng công chứng được chuyển đổi và số lao động có nguyện vọng khác.

5. Hồ sơ đăng ký tham gia nhận chuyển đổi Phòng công chứng của các công chứng viên, trong đó có văn bản cam kết các nội dung sau:

a) Tiếp nhận toàn bộ người lao động có nguyện vọng làm việc tại Văn phòng công chứng được thành lập từ Phòng công chứng được chuyển đổi;

b) Kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, tiếp nhận toàn bộ hồ sơ công chứng của Phòng công chứng được chuyển đổi.

6. Phương án xử lý tài sản của Nhà nước sau khi có quyết định chấm dứt hoạt động Phòng công chứng để chuyển đổi thành Văn phòng công chứng và việc thực hiện chế độ cho viên chức, người lao động theo quy định hiện hành; những vấn đề khác cần xử lý.

### **Điều 9. Tổ chức thực hiện Kế hoạch chuyển đổi Phòng công chứng**

Căn cứ nội dung Kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Lựa chọn hồ sơ đã đăng ký đủ điều kiện nhận chuyển đổi Phòng công chứng, trong đó mỗi hồ sơ phải có ít nhất từ 02 (hai) công chứng viên trở lên, người dự kiến làm Trưởng Văn phòng công chứng phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm hành nghề công chứng; thông báo các hồ sơ đã đăng ký nhận chuyển đổi đủ điều kiện nhận chuyển đổi;

b) Thành lập Hội đồng đấu giá quyền nhận chuyển đổi Phòng công chứng do Lãnh đạo Sở Tư pháp làm Chủ tịch Hội đồng, đại diện Lãnh đạo Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư và một số Sở, ban, ngành có liên quan làm thành viên để tổ chức đấu giá công khai quyền nhận chuyển đổi Phòng công chứng;

c) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xác định giá khởi điểm quyền nhận chuyển đổi Phòng công chứng;

d) Việc đấu giá quyền nhận chuyển đổi Phòng công chứng thực hiện theo hình thức bỏ phiếu. Trường hợp các công chứng viên đăng ký tham gia đấu giá trả giá ngang nhau thì các công chứng viên đang làm việc tại Phòng công chứng được chuyển đổi được ưu tiên trúng đấu giá;

đ) Thông báo kết quả đấu giá cho các công chứng viên tham gia đấu giá.

**Điều 10. Chấm dứt hoạt động của Phòng công chứng chuyển đổi và thành lập Văn phòng công chứng từ Phòng công chứng được chuyển đổi**

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có kết quả đấu giá, Sở Tư pháp báo cáo Ban chỉ đạo trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng của các công chứng viên trúng đấu giá.

Trong trường hợp không có Ban chỉ đạo thì Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.

2. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng từ Phòng công chứng được chuyển đổi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng, quyết định chấm dứt hoạt động của Phòng công chứng chuyển đổi.

3. Trong thời gian làm thủ tục chuyển đổi, Phòng công chứng vẫn được tiếp tục hoạt động theo quy định.

### **Phương án 2:**

**Điều 3. Mục tiêu, yêu cầu của việc chuyển đổi Phòng công chứng (Như Phương án 1)**

1. Việc chuyển đổi Phòng công chứng phải đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu sau đây:

a) Tiếp tục thực hiện chủ trương xã hội hoá hoạt động công chứng, giảm đầu tư, chi phí và nguồn nhân lực của Nhà nước;

b) Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước và viên chức, người lao động đang làm việc tại Phòng công chứng được chuyển đổi;

c) Thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan, theo đúng quy định của Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, bảo đảm tiếp tục duy trì, kế thừa hoạt động công chứng;

d) Thực hiện theo lộ trình, phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xem xét, quyết định cụ thể sự không cần thiết duy trì Phòng công chứng và quyết định việc chuyển đổi Phòng công chứng căn cứ vào kết quả xã hội hoá hoạt động công chứng tại địa bàn đã đạt mức độ cao; số lượng hợp đồng, giao dịch nhiều; hoạt động tài chính của các Văn phòng công chứng ổn định, thu đủ bù chi; văn bản công chứng đảm bảo chất lượng tạo được uy tín trong nhân dân.

#### **Điều 4. Nguyên tắc của việc chuyển đổi Phòng công chứng (Như Phương án 1)**

1. Công chứng viên đang làm việc tại Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi được ưu tiên nhận chuyển đổi.

2. Đảm bảo chế độ, chính sách của viên chức, người lao động sau khi Phòng công chứng chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật về viên chức và pháp luật về lao động.

3. Viên chức, người lao động đang làm việc tại Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi được tiếp tục làm việc tại Văn phòng công chứng được thành lập từ Phòng công chứng được chuyển đổi.

4. Việc chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản đang do Phòng công chứng được chuyển đổi quản lý, sử dụng cho Văn phòng công chứng được thành lập từ Phòng công chứng được chuyển đổi được thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

#### **Điều 5. Khảo sát, đánh giá Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi**

Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng Kế hoạch chuyển đổi, tiến hành khảo sát, đánh giá tình hình tài chính, tài sản, kết quả hoạt động, nguyện vọng của viên chức, người lao động của Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi và khả năng chuyển đổi, báo cáo trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc thực hiện chuyển đổi và thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi Phòng công chứng.

## **Điều 6. Thành lập Ban chuyên đổi Phòng công chứng**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thành lập Ban chuyên đổi giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc chuyển đổi Phòng công chứng. Thành phần Ban chỉ đạo chuyển đổi gồm:

- a) Đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là Trưởng ban;
- b) Đại diện Lãnh đạo Sở Tư pháp là Phó Trưởng ban;
- c) Đại diện Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Dân cư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, đại diện Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đại diện Lãnh đạo Hội công chứng, đại diện Lãnh đạo Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi là thành viên và một số thành viên khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

2. Ban chuyên đổi có nhiệm vụ:

- a) Thăm tra hồ sơ đề nghị chuyển đổi Phòng công chứng;
- b) Lựa chọn tổ chức thẩm định giá hoặc thành lập Hội đồng định giá theo quy định của pháp luật đối với tài sản do Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi quản lý, sử dụng, không bao gồm trụ sở làm việc;
- c) Xét duyệt hồ sơ đề nghị chuyển đổi theo tiêu chí xét duyệt hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định;
- d) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án chuyển đổi.

3. Sở Tư pháp là cơ quan thường trực giúp Ban chuyên đổi thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều này và có các nhiệm vụ sau đây:

- a) Thông báo cho Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi về chủ trương chuyển đổi Phòng công chứng;
- b) Xây dựng Đề án chuyển đổi Phòng công chứng.

## **Điều 7. Nội dung chủ yếu của Đề án chuyển đổi Phòng công chứng**

Đề án chuyển đổi gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Lý do không cần tiết duy trì Phòng công chứng và sự cần thiết chuyển đổi Phòng công chứng.

2. Tên gọi, cơ cấu tổ chức của Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi.

3. Kết quả kiểm kê, phân loại tài sản Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi hiện đang quản lý, sử dụng.

4. Tình hình tài chính; kết quả hoạt động; số lượng viên chức, người lao động đang làm việc tại Phòng công chứng: số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu; số

lao động có yêu cầu chuyển sang làm việc tại Văn phòng công chứng được thành lập từ Phòng công chứng được chuyển đổi.

5. Các phương án nhận chuyển đổi:

a) Phương án nhận chuyển đổi của các công chứng viên đang làm việc tại Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi;

b) Phương án nhận chuyển đổi của các công chứng viên khác không thuộc quy định tại điểm a Khoản này trong trường hợp các công chứng viên đang làm việc tại Phòng công chứng không có nhu cầu nhận chuyển đổi.

6. Cam kết bằng văn bản của các công chứng viên có phương án nhận chuyển đổi về các nội dung sau đây:

a) Tiếp nhận toàn bộ viên chức, người lao động, bố trí, sắp xếp, sử dụng viên chức, người lao động hoặc giải quyết phù hợp đối với viên chức, người lao động của Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi;

b) Tiếp nhận toàn bộ hồ sơ, kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi;

c) Phương án xử lý tài sản là trụ sở, phương tiện, máy móc làm việc và tài sản khác đang do Phòng công chứng được chuyển đổi quản lý, sử dụng sau khi có quyết định chấm dứt hoạt động Phòng công chứng để chuyển đổi thành Văn phòng công chứng và giải quyết chế độ cho viên chức, người lao động nghỉ việc, thôi việc theo quy định hiện hành; những vấn đề khác cần xử lý.

**Điều 8. Hồ sơ chuyển đổi Phòng công chứng**

Sở Tư pháp lập hồ sơ đề nghị chuyển đổi Phòng công chứng gửi Ban chuyển đổi. Hồ sơ gồm:

1. Quyết định thực hiện chuyển đổi của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
2. Đề án chuyển đổi Phòng công chứng.
3. Hồ sơ pháp lý về thành lập Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi.
4. Hồ sơ pháp lý về tài sản của Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi (bao gồm cả diện tích đất được giao hoặc được thuê).
5. Hồ sơ về các công trình đầu tư xây dựng.
6. Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

**Điều 9. Phê duyệt Đề án chuyển đổi Phòng công chứng**

Trên cơ sở kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị chuyển đổi Phòng công chứng, Ban chỉ đạo chuyển đổi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Đề án chuyển đổi Phòng

công chứng, trường hợp đủ điều kiện chuyển đổi thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án chuyển đổi.

### **Điều 10. Chấm dứt hoạt động của Phòng công chứng chuyên đổi và thành lập Văn phòng công chứng từ Phòng công chứng được chuyển đổi**

1. Các công chứng viên đề nghị thành lập Văn phòng công chứng đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt tại Đề án chuyển đổi phải thực hiện việc thành lập và đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng theo quy định tại Điều 23 Luật công chứng.

2. Phòng công chứng được chuyển đổi chấm dứt hoạt động kể từ ngày có quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trong thời gian làm thủ tục chuyển đổi, Phòng công chứng dự kiến chuyển đổi vẫn tiếp tục được hoạt động theo quy định.

## **Mục 2**

### **HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHUYỂN NHƯỢNG VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG**

#### **Điều 11. Hợp nhất Văn phòng công chứng**

1. Văn phòng công chứng hợp nhất nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại Sở Tư pháp nơi Văn phòng công chứng đặt trụ sở. Hồ sơ hợp nhất Văn phòng công chứng được nộp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Tư pháp nơi Văn phòng công chứng đặt trụ sở.

2. Hồ sơ hợp nhất gồm:

a) Văn bản đề nghị hợp nhất Văn phòng công chứng;

b) Đề án về việc hợp nhất Văn phòng công chứng, trong đó nêu rõ lý do hợp nhất, dự kiến thời gian hợp nhất, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo thuế của các Văn phòng công chứng đề nghị hợp nhất tính đến ngày đề nghị hợp nhất, dự kiến về tổ chức, tên gọi, địa điểm đặt trụ sở, nhân sự, các điều kiện vật chất và các nội dung khác;

c) Biên bản kiểm kê các hồ sơ công chứng của các Văn phòng công chứng đề nghị hợp nhất;

d) Biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng công chứng đề nghị hợp nhất;

đ) Văn bản thỏa thuận hợp nhất có chữ ký đầy đủ của các công chứng viên hợp danh các Văn phòng công chứng đề nghị hợp nhất, trong đó nêu rõ về phương án chuyển tài sản; phương án sử dụng lao động; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các Văn phòng công chứng đề nghị hợp nhất;

e) Quyết định bổ nhiệm công chứng viên là công chứng viên hợp danh của các Văn phòng công chứng đề nghị hợp nhất;

g) Quyết định cho phép thành lập và Giấy đăng ký hoạt động của các Văn phòng công chứng đề nghị hợp nhất.

3. Các giấy tờ trong hồ sơ theo quy định tại điểm a, b, g Khoản 2 Điều này là bản chính; các giấy tờ trong hồ sơ theo quy định tại điểm c, d, đ, e Khoản 2 Điều này là bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng. Trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định cho phép hợp nhất, Văn phòng công chứng hợp nhất phải đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp địa phương nơi cho phép hợp nhất. Khi đăng ký hoạt động phải có đơn đăng ký hoạt động, quyết định cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng và giấy tờ chứng minh về trụ sở ở địa phương nơi cho phép hợp nhất.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hoạt động, Sở Tư pháp cấp giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng hợp nhất, đồng thời thực hiện việc xóa tên các Văn phòng công chứng đề nghị hợp nhất khỏi danh sách đăng ký hoạt động. Trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

7. Trong thời gian làm thủ tục hợp nhất và đăng ký hoạt động, các Văn phòng công chứng vẫn được tiếp tục hoạt động. Văn phòng công chứng hợp nhất được hoạt động kể từ ngày được Sở Tư pháp cấp giấy đăng ký hoạt động, kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, chịu trách nhiệm về toàn bộ các khoản nợ chưa thanh toán, các yêu cầu công chứng đang thực hiện, hợp đồng lao động đã ký với công chứng viên, người lao động khác và các nghĩa vụ tài sản khác của các Văn phòng công chứng đề nghị hợp nhất và có trách nhiệm lưu trữ toàn bộ hồ sơ, tài liệu công chứng của các Văn phòng công chứng đề nghị hợp nhất.

8. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng hợp nhất, Sở Tư pháp phải thông báo bằng văn



bản cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, Công an cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi Văn phòng công chứng hợp nhất đặt trụ sở.

9. Các Văn phòng công chứng đề nghị hợp nhất chấm dứt hoạt động kể từ khi Văn phòng công chứng hợp nhất được cấp Giấy đăng ký hoạt động.

## **Điều 12. Sáp nhập Văn phòng công chứng**

1. Văn phòng công chứng nhận sáp nhập nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại Sở Tư pháp nơi Văn phòng công chứng đặt trụ sở. Hồ sơ sáp nhập Văn phòng công chứng được nộp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Tư pháp nơi Văn phòng công chứng đặt trụ sở.

2. Hồ sơ sáp nhập gồm:

a) Văn bản đề nghị sáp nhập Văn phòng công chứng;

b) Đề án về việc sáp nhập Văn phòng công chứng, trong đó nêu rõ lý do sáp nhập, dự kiến thời gian sáp nhập, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo thuế của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập và Văn phòng công chứng đề nghị sáp nhập tính đến ngày đề nghị sáp nhập, dự kiến về tổ chức, tên gọi, địa điểm đặt trụ sở, nhân sự, các điều kiện vật chất và các nội dung khác;

c) Biên bản kiểm kê các hồ sơ công chứng của Văn phòng công chứng đề nghị sáp nhập;

d) Biên bản kiểm kê tài sản hiện có của Văn phòng công chứng đề nghị sáp nhập;

đ) Văn bản thỏa thuận sáp nhập có chữ ký của đầy đủ của các công chứng viên hợp danh Văn phòng công chứng nhận sáp nhập và Văn phòng công chứng đề nghị sáp nhập, trong đó nêu rõ về phương án chuyển tài sản; phương án sử dụng lao động; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Văn phòng công chứng đề nghị sáp nhập;

e) Quyết định bổ nhiệm công chứng viên là công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập và Văn phòng công chứng đề nghị sáp nhập;

g) Quyết định cho phép thành lập và Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập và Văn phòng công chứng đề nghị sáp nhập.

3. Các giấy tờ trong hồ sơ theo quy định tại điểm a, b, g Khoản 2 Điều này là bản chính; các giấy tờ trong hồ sơ theo quy định tại điểm c, d, đ, e Khoản 2 Điều này là bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem

xét, quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng. Trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định cho phép sáp nhập, Văn phòng công chứng nhận sáp nhập phải đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp địa phương nơi cho phép sáp nhập. Khi đăng ký hoạt động phải có đơn đăng ký hoạt động, quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng và giấy tờ chứng minh về trụ sở ở địa phương nơi cho phép sáp nhập.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hoạt động, Sở Tư pháp cấp giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng nhận sáp nhập, đồng thời thực hiện việc xóa tên Văn phòng công chứng đề nghị sáp nhập khỏi danh sách đăng ký hoạt động. Trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

7. Trong thời gian làm thủ tục sáp nhập và đăng ký hoạt động, các Văn phòng công chứng vẫn được tiếp tục hoạt động. Văn phòng công chứng nhận sáp nhập được hoạt động kể từ ngày được Sở Tư pháp cấp giấy đăng ký hoạt động, kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ chịu trách nhiệm về toàn bộ các khoản nợ chưa thanh toán, các yêu cầu công chứng đang thực hiện, hợp đồng lao động đã ký với công chứng viên, người lao động khác và các nghĩa vụ tài sản khác của Văn phòng công chứng đề nghị sáp nhập và có trách nhiệm lưu trữ toàn bộ hồ sơ, tài liệu công chứng của Văn phòng công chứng đề nghị sáp nhập.

8. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng sáp nhập, Sở Tư pháp phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, Công an cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi Văn phòng công chứng sáp nhập đặt trụ sở.

9. Văn phòng công chứng đề nghị sáp nhập chấm dứt hoạt động kể từ khi Văn phòng công chứng nhận sáp nhập được cấp Giấy đăng ký hoạt động.

### **Điều 13. Chuyển nhượng Văn phòng công chứng**

Việc chuyển nhượng Văn phòng công chứng quy định tại Điều 29 Luật công chứng được thực hiện như sau:

1. Công chứng viên có nhu cầu chuyển nhượng Văn phòng công chứng nộp 02 (hai) bộ hồ sơ xin chuyển nhượng Văn phòng công chứng tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Tư pháp nơi Văn phòng công chứng đặt trụ sở.

2. Hồ sơ chuyển nhượng gồm:

- a) Dự thảo văn bản chuyển nhượng Văn phòng công chứng;
- b) Văn bản cam kết đồng ý, tự nguyện chuyển nhượng của các công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng chuyển nhượng;
- c) Giấy cam kết của công chứng viên nhận chuyển nhượng về việc hành nghề tại Văn phòng công chứng mà mình nhận chuyển nhượng, về việc kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Văn phòng công chứng chuyển nhượng;
- d) Biên bản kiểm kê các hồ sơ công chứng của Văn phòng công chứng chuyển nhượng;
- đ) Quyết định bổ nhiệm công chứng viên và giấy tờ chứng minh nơi đăng ký thường trú của công chứng viên nhận chuyển nhượng;
- e) Giấy tờ chứng minh công chứng viên nhận chuyển nhượng Văn phòng công chứng đã hành nghề công chứng từ 02 năm trở lên dự kiến là Trưởng Văn phòng công chứng;
- g) Báo cáo tài chính đã kiểm toán, báo cáo thuế của Văn phòng công chứng chuyển nhượng;
- h) Biên bản kiểm kê tài sản hiện có của Văn phòng công chứng chuyển nhượng;
- i) Giấy tờ chứng minh trụ sở của Văn phòng công chứng chuyển nhượng.

3. Các giấy tờ trong hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều này là bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ quy định tại Khoản 2 Điều này, Sở Tư pháp thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. Trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do; người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng. Trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do; người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng, các bên phải hoàn tất

việc ký kết hợp đồng chuyên nhượng Văn phòng công chứng, nộp thuế theo quy định và thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp, kèm theo bản sao có chứng thực hợp đồng chuyên nhượng đã ký kết cùng với giấy tờ chứng minh việc đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với cơ quan thuế.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được các giấy tờ nêu trên, Sở Tư pháp cấp giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng đã được chuyên nhượng.

6. Văn phòng công chứng đã được chuyên nhượng được hoạt động kể từ ngày Sở Tư pháp cấp giấy đăng ký hoạt động.

7. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng đã được chuyên nhượng, Sở Tư pháp phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, Công an cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi Văn phòng công chứng đặt trụ sở.

### **Mục 3**

## **MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, ĐIỀU KIỆN VỀ TRỤ SỞ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG, NIÊM YẾT THỰC LÝ CÔNG CHỨNG VĂN BẢN THỎẢ THUẬN PHÂN CHIA, KHAI NHẬN DI SẢN**

**Điều 14. Chính sách ưu đãi đối với Văn phòng công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn**

1. Văn phòng công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn được xác định như sau:

a) Văn phòng công chứng được thành lập tại các địa bàn nằm trong danh mục địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Văn phòng công chứng được thành lập tại địa phương (cấp tỉnh) có dưới 05 (năm) Văn phòng công chứng.

2. Văn phòng công chứng quy định tại Khoản 1 Điều này thành lập được hưởng chính sách ưu đãi sau đây:

a) Được mượn, thuê trụ sở, hỗ trợ về trang thiết bị làm việc để thành lập, hoạt động Văn phòng công chứng trong 03 (ba) năm đầu hoạt động;

b) Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản pháp luật về thuế

### **Điều 15. Điều kiện về trụ sở của Văn phòng công chứng**

1. Văn phòng công chứng phải có trụ sở riêng với địa chỉ cụ thể, có nơi làm việc cho công chứng viên, nhân viên, nơi tiếp người yêu cầu công chứng và

kho lưu trữ hồ sơ công chứng.

2. Công chứng viên thành lập Văn phòng công chứng chỉ phải nộp các giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng theo quy định tại Khoản 1 Điều này khi đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.

3. Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện về trụ sở của Văn phòng công chứng khi thực hiện đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng.

### **Điều 16. Niêm yết việc thụ lý công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản**

1. Tổ chức hành nghề công chứng thụ lý việc công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản phải thực hiện niêm yết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý. Việc niêm yết do tổ chức hành nghề công chứng thực hiện tại trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có di sản hoặc nơi thường trú cuối cùng của người để lại di sản do tổ chức hành nghề công chứng lựa chọn.

2. Nội dung niêm yết phải nêu rõ họ, tên của người để lại di sản; họ, tên của những người thỏa thuận phân chia hoặc khai nhận di sản; quan hệ của những người thỏa thuận phân chia hoặc khai nhận di sản với người để lại di sản; danh mục di sản. Cuối bản niêm yết phải ghi rõ nếu có khiếu nại, tố cáo về việc bỏ sót, giấu giếm người được hưởng di sản; bỏ sót di sản; di sản không thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người để lại di sản thì khiếu nại, tố cáo đó được gửi cho tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện việc niêm yết.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi niêm yết có trách nhiệm xác nhận việc niêm yết và bảo quản việc niêm yết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết. Hết thời hạn niêm yết, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận vào văn bản của tổ chức hành nghề công chứng về thời gian niêm yết và các khiếu nại, tố cáo (nếu có) trong thời gian niêm yết.

## **Chương III**

### **BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM NGHỀ NGHIỆP CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN**

#### **Điều 17. Nguyên tắc tham gia bảo hiểm**

1. Tổ chức hành nghề công chứng phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho công chứng viên đang hành nghề tại tổ chức mình theo quy định của Luật công chứng, Nghị định này và pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

Tổ chức hành nghề công chứng có thể trực tiếp mua hoặc ủy quyền cho tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho công chứng viên.

2. Thời điểm mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng viên được thực hiện chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng được đăng ký hành nghề.

3. Nguồn kinh phí mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho công chứng viên của Phòng công chứng được trích từ quỹ phát triển sự nghiệp của Phòng công chứng theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập.

### **Điều 18. Phạm vi bảo hiểm**

Phạm vi bảo hiểm bao gồm các thiệt hại vật chất của người tham gia ký kết hợp đồng, giao dịch hoặc của cá nhân, tổ chức khác có liên quan trực tiếp đến hợp đồng, giao dịch đã được công chứng mà những thiệt hại này phát sinh do lỗi của công chứng viên đã công chứng hợp đồng, giao dịch đó trong thời hạn bảo hiểm.

### **Điều 19. Phí bảo hiểm**

1. Phí bảo hiểm là khoản tiền mà tổ chức hành nghề công chứng phải đóng cho doanh nghiệp bảo hiểm khi mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho công chứng viên thuộc tổ chức mình.

2. Phí bảo hiểm tối thiểu là 05 (năm) triệu đồng một năm cho một công chứng viên.

### **Điều 20. Loại trừ bảo hiểm**

Các trường hợp loại trừ bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng viên do doanh nghiệp bảo hiểm thoả thuận với tổ chức hành nghề công chứng hoặc tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên khi được tổ chức hành nghề công chứng ủy quyền mua bảo hiểm.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN**

#### **Mục 1**

### **NGUYÊN TẮC CHUNG VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN**

**Điều 21. Chức năng, nhiệm vụ của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên**

Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên được thành lập với tôn chỉ mục đích đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các công chứng viên là thành viên, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật công chứng, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và Điều lệ hoạt động của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên.

**Điều 22. Tổ chức, Điều lệ hoạt động của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên**

1. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên gồm có Tổ chức công chứng toàn quốc và Hội công chứng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Tổ chức công chứng toàn quốc được thành lập sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thành lập. Thành viên của Tổ chức công chứng toàn quốc là các công chứng viên và Hội công chứng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Hội công chứng được thành lập tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi có từ 03 (ba) công chứng viên trở lên. Thành viên của Hội công chứng là các công chứng viên.

3. Điều lệ Tổ chức công chứng toàn quốc quy định nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên; mối quan hệ giữa các công chứng viên với Hội công chứng, Tổ chức công chứng toàn quốc; giữa các Hội công chứng với Tổ chức công chứng toàn quốc.

Trong khi chưa có Điều lệ Tổ chức công chứng toàn quốc, mỗi Hội công chứng ban hành Điều lệ riêng cho mình theo Điều lệ Mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

## **Mục 2** **HỘI CÔNG CHỨNG**

### **Điều 23. Thành lập Hội công chứng**

1. Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có từ 03 (ba) công chứng viên trở lên thì Sở Tư pháp dự kiến và Quyết định công nhận Ban vận động thành lập Hội công chứng. Ban vận động xây dựng Đề án thành lập Hội, báo cáo Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Hội công chứng. Đề án nêu rõ về sự cần thiết thành lập, số lượng công chứng viên hiện có, dự kiến về tổ chức, nhân sự, tên gọi Hội công chứng.

2. Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ đề nghị thành lập Hội công chứng sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Nội vụ.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho phép thành lập Hội công chứng.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định cho phép thành lập, Hội công chứng phải tiến hành Đại hội.

### **Điều 24. Tổ chức và hoạt động của Hội công chứng**

Hội công chứng được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự quản, bình đẳng, công khai, minh bạch, phi lợi nhuận; phí hoạt động của Hội công chứng do các Hội viên đóng góp và từ các nguồn thu hợp pháp khác phù hợp với tôn chỉ mục đích và quy định của pháp luật. Hoạt động của Hội công chứng chịu sự

quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và sự hướng dẫn của Tổ chức công chứng toàn quốc; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Hội công chứng.

## **Điều 25. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội công chứng**

1. Hội công chứng có các nhiệm vụ sau đây:

a) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 của Luật công chứng;

b) Tập hợp, đoàn kết, phát triển Hội viên, duy trì hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, phạm vi;

c) Tổ chức phổ biến, trao đổi thông tin, kinh nghiệm nghề nghiệp giữa các Hội viên. Tổ chức lấy ý kiến của Hội viên để phản ánh, kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về chính sách, pháp luật có liên quan đến hoạt động công chứng nhằm phát triển nghề công chứng;

d) Giám sát việc hành nghề công chứng, hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng của hội viên;

đ) Sơ kết, tổng kết hoạt động của Hội;

e) Thành lập Quỹ bồi thường thiệt hại trong phạm vi Hội mình để giúp đỡ việc bồi thường thiệt hại do lỗi của Hội viên khi hành nghề công chứng trong trường hợp bảo hiểm nghề nghiệp của Hội viên không đủ bồi thường;

g) Sử dụng kinh phí của Hội đúng mục đích, công khai, minh bạch, đúng pháp luật và quy định của Điều lệ Hội;

h) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền của Hội;

i) Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật;

k) Báo cáo Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các nghị quyết, quyết định, kết quả hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật và khi được yêu cầu;

l) Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội công chứng.

2. Hội công chứng có các quyền hạn sau đây:

a) Đại diện cho Hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Hội;

b) Tham gia ý kiến trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm công chứng viên; thành lập, chuyển đổi Phòng công chứng, giải thể Phòng công chứng; cho phép thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng, chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng; xác định tư cách thành viên Hội công chứng khi đề nghị thành lập



và đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng trong phạm vi của Hội khi được Sở Tư pháp đề nghị tham gia, có ý kiến.

c) Được cung cấp thông tin, tài liệu hợp pháp về cơ chế, chính sách, pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội;

d) Tham gia góp ý, xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật, nghiên cứu khoa học pháp lý, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và pháp luật về công chứng nói riêng;

đ) Tham gia hoạt động hợp tác về công chứng ở trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật;

e) Quản lý và sử dụng phí Hội công chứng do các Hội viên đóng góp, các nguồn thu hợp pháp phù hợp với tôn chỉ mục đích và quy định của pháp luật;

g) Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Hội.

### **Điều 26. Phê chuẩn kết quả Đại hội Hội công chứng**

1. Nội dung phê chuẩn kết quả Đại hội Hội công chứng bao gồm:

a) Kết quả bầu Ban Lãnh đạo, Chủ tịch Hội công chứng;

b) Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội đề bãi nhiệm và bầu mới hoặc bầu thay thế Chủ tịch, bầu bổ sung thành viên Ban Lãnh đạo của Hội công chứng.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc Đại hội, Ban Lãnh đạo Hội công chứng phải gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo kết quả Đại hội, kèm theo biên bản bầu cử, danh sách trích ngang của Chủ tịch, các thành viên Ban Lãnh đạo của Hội công chứng, Nghị quyết Đại hội.

3. Kết quả bầu cử bị từ chối phê chuẩn trong các trường hợp sau đây:

a) Quy trình, thủ tục bầu cử không bảo đảm tính hợp lệ, dân chủ, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức công chứng toàn quốc;

b) Chức danh Lãnh đạo được bầu không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ Tổ chức công chứng toàn quốc.

4. Nghị quyết Đại hội bị từ chối phê chuẩn trong các trường hợp sau đây:

a) Có nội dung trái với quy định của Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ Tổ chức công chứng toàn quốc;

b) Quy trình, thủ tục thông qua Nghị quyết không bảo đảm tính hợp lệ, dân chủ, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức công chứng toàn quốc.

5. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo về việc từ chối phê chuẩn kết quả Đại hội, Ban Lãnh đạo Hội công chứng phải tổ

chức Đại hội lại để thực hiện việc bầu cử, việc thông qua, sửa đổi Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức công chứng toàn quốc.

6. Trong trường hợp tổ chức Đại hội để bãi nhiệm và bầu mới hoặc bầu thay thế Chủ tịch, bầu bổ sung thành viên Ban Lãnh đạo Hội công chứng thì Hội công chứng thực hiện việc báo cáo kết quả Đại hội theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

### **Điều 27. Chế độ báo cáo, gửi các quy định, quyết định, nghị quyết của Hội công chứng**

1. Hàng năm, Hội công chứng có trách nhiệm gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổ chức công chứng toàn quốc, đồng gửi Sở Tư pháp báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động của Hội công chứng. Thời hạn, kỳ báo cáo thực hiện theo quy định của Bộ Tư pháp.

Ngoài việc báo cáo theo định kỳ hàng năm, Hội công chứng báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Tổ chức công chứng toàn quốc.

2. Ban Lãnh đạo Hội công chứng có trách nhiệm gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổ chức công chứng toàn quốc quy định, quyết định, nghị quyết của Hội công chứng trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ký ban hành.

### **Điều 28. Giải thể Hội công chứng**

1. Hội công chứng bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Không tổ chức Đại hội theo quy định;

b) Hoạt động của Hội công chứng vi phạm nghiêm trọng pháp luật, Điều lệ Tổ chức công chứng toàn quốc, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể Hội công chứng trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Chủ tịch Tổ chức công chứng toàn quốc.

## **Mục 3**

### **TỔ CHỨC CÔNG CHỨNG TOÀN QUỐC**

#### **Điều 29. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ chức công chứng toàn quốc**

1. Đại diện cho các công chứng viên và các Hội công chứng thành viên trong quan hệ với Liên minh công chứng quốc tế, các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ chức công chứng toàn quốc.

2. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các công chứng viên, Hội công chứng thành viên ở trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam theo quy định của pháp luật và của Điều lệ Tổ chức công chứng toàn quốc.

3. Ban hành, giám sát việc tuân theo Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng.
4. Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc ban hành, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy chế tập sự hành nghề công chứng.
5. Tham gia đào tạo nghề công chứng; bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng hành nghề cho công chứng viên theo quy định.
6. Tổng kết, trao đổi kinh nghiệm hành nghề công chứng trong cả nước.
7. Kiểm tra tổ chức, hoạt động của Hội công chứng về việc thực hiện Điều lệ của Tổ chức công chứng toàn quốc.
8. Tập hợp, phản ánh tâm tư, nguyện vọng, ý kiến đóng góp, kiến nghị của công chứng viên, Hội công chứng các nội dung liên quan đến công chứng với các cơ quan, tổ chức.
9. Tham gia xây dựng pháp luật, nghiên cứu khoa học pháp lý, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.
10. Hợp tác quốc tế về công chứng theo quy định của pháp luật.
11. Quản lý, sử dụng tài sản của Tổ chức công chứng toàn quốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổ chức công chứng toàn quốc.
12. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và của Điều lệ Tổ chức công chứng toàn quốc.

### **Điều 30. Phê duyệt Điều lệ Tổ chức công chứng toàn quốc**

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Điều lệ Tổ chức công chứng toàn quốc được thông qua, Tổ chức công chứng toàn quốc gửi Bộ Tư pháp hồ sơ đề nghị phê duyệt Điều lệ. Hồ sơ gồm có:
  - a) Văn bản đề nghị phê duyệt Điều lệ;
  - b) Điều lệ và biên bản thông qua Điều lệ;
  - c) Báo cáo kết quả Đại hội; kết quả bầu Ban Thường trực, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Tổ chức công chứng toàn quốc;
  - d) Nghị quyết Đại hội.
2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định phê duyệt Điều lệ Tổ chức công chứng toàn quốc sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Nội vụ; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.
3. Điều lệ Tổ chức công chứng toàn quốc bị từ chối phê duyệt trong các trường hợp sau đây:

a) Có nội dung trái với quy định của Hiến pháp, Luật công chứng, các luật, bộ luật, pháp lệnh có liên quan và Nghị định này;

b) Quy trình, thủ tục thông qua Điều lệ không bảo đảm tính hợp lệ, dân chủ, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp Tổ chức công chứng toàn quốc bị từ chối phê duyệt thì Ban Thường trực Tổ chức công chứng toàn quốc phải tổ chức thực hiện việc sửa đổi nội dung Điều lệ và tổ chức lại Đại hội để thông qua Điều lệ theo đúng quy định của pháp luật.

5. Khi có sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Tổ chức công chứng toàn quốc thì trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Điều lệ sửa đổi, bổ sung được thông qua, Ban Thường trực Tổ chức công chứng toàn quốc gửi Bộ Tư pháp văn bản đề nghị kèm theo Điều lệ sửa đổi, bổ sung; biên bản thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung, Nghị quyết Đại hội.

Việc phê duyệt Điều lệ sửa đổi, bổ sung được thực hiện theo quy định của Điều này.

### **Điều 31. Chế độ báo cáo, gửi các quy định, quyết định, nghị quyết của Tổ chức công chứng toàn quốc**

1. Hàng năm, Tổ chức công chứng toàn quốc có trách nhiệm gửi Bộ Tư pháp báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động của công chứng viên, Hội công chứng trong phạm vi toàn quốc và Tổ chức công chứng toàn quốc. Thời hạn, kỳ báo cáo thực hiện theo quy định của Bộ Tư pháp.

Ngoài việc báo cáo theo định kỳ hàng năm, Tổ chức công chứng toàn quốc báo cáo kết quả Đại hội nhiệm kỳ; báo cáo khác theo yêu cầu của Bộ Tư pháp.

2. Tổ chức công chứng toàn quốc có trách nhiệm gửi Bộ Tư pháp các quy định, quyết định, nghị quyết của Tổ chức công chứng toàn quốc trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ký ban hành.

## **Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 32. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Hội công chứng của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được thành lập và hoạt động trước ngày Luật công chứng 2014 có hiệu lực được tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Luật công chứng và Nghị định này.

2. Trong thời gian chưa có Tổ chức công chứng toàn quốc và Điều lệ của ỨC công chứng toàn quốc, việc thành lập, tổ chức và hoạt động của các Hội công chứng được thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Tổ chức hành nghề công chứng không thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho công chứng viên theo quy định tại Khoản 3 Điều 79 của Luật công chứng thì sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

4. Hết thời hạn quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 79 của Luật công chứng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát việc thực hiện quy định nêu trên của các tổ chức hành nghề công chứng, báo cáo Bộ Tư pháp tổng hợp để báo cáo Chính phủ.

### **Điều 33. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ..... tháng ..... năm 2015.

2. Nghị định số 04/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng số 82/2006/QH11 ngày 29/11/2006 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

### **Điều 34. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, cổng thông tin điện tử, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, PL(3b).

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Tấn Dũng**

